

BẢN TIN VỤ ĐÔNG XUÂN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC
VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa thực đo từ 1/6/2020 đến 5/11/2020 (mm)	So sánh với cùng kỳ(+/-%)				Dự báo tổng lượng mưa trong vụ ĐX	Nhóm năm điển hình tương ứng
			TBNN	2019	2018	2015		
1	Vinh	2299,1	+52	-10	+79	+156	276,2	1974, 1978, 2006
2	Đô Lương	2088,3	+57	+95	+85	+119	306,4	1997, 1966, 1981
3	Cửa Rào	938,8	-1	+43	-20	+18	310,8	1979, 1966, 1987
4	Tây Hiếu	1008,7	-19	-12	-25	+24	244,2	1970, 1980, 1965
5	Nam Đàn	1568,0	+15	+3	+24	+77	256,0	1961, 2016, 1978
6	Quỳ Châu	1448,4	+16	+36	-2	+71	292,1	1997, 1964, 1978
7	Quỳnh Lưu	845,4	-34	-37	-48	-13	226,4	2000, 2004, 2001
8	Quỳ Hợp	1221,2	+5	+37	-10	+24	291,2	2016, 2013, 2019
9	Mường Xén	957,0	+8	+32	-10	+13	333,3	1961, 2016, 1999
10	Nghĩa Khánh	1182,0	+2	+16	-11	+62	289,0	1975, 1989, 1973
Trung bình		1355,7	+10	+20	+6	+55	282,6	

Nhận xét:

- Tổng lượng mưa thực đo từ ngày 1/6 đến ngày 5/11/2020 trong toàn vùng từ 845 - 2299 mm: có 7/10 trạm cao hơn so với cùng kỳ TBNN từ 2-57%, trạm Cửa Rào thấp hơn 1%, Tây Hiếu thấp hơn 19%, Quỳnh Lưu thấp hơn 34%.



- **Nhận định lượng mưa từ nay đến trước vụ Đông xuân 2020-2021:** lượng mưa dự báo từ nay đến trước vụ Đông xuân 2020-2021 tại các trạm dao động từ 20-92mm.

- **Nhận định lượng mưa vụ Đông Xuân 2020-2021:** Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân tại các trạm dao động từ 226-333mm, 6/10 trạm cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 1-61%, 4/10 trạm thấp hơn 3-15%.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/- %)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	100	100	+9	+55	0	0	Tăng
2	Khe Gõ	5,4	5,2	100	100	+12	+72	0	0	Tăng
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	100	100	+23	+82	0	+13	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	100	100	+8	+46	0	0	Tăng
5	Nghi Công	2,6	2,4	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	100	100	+10	+62	0	0	Tăng
7	Khe Thị	2,7	2,5	100	100	+11	+67	0	0	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	62	60	-23	+11	-38	-38	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	100	100	+9	+54	0	0	Giảm
10	Kê Sắt	3,0	2,9	59	57	-17	+13	-41	+11	Tăng
11	Nhà Trò	4,7	4,4	90	89	+3	+61	-10	-10	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	55	51	-17	+18	-45	-3	Tăng
13	Quản Hải	5,3	4,8	89	87	-3	+28	-11	-11	Tăng
14	Vệ Vòng	18,4	17,2	49	46	-36	-51	-51	-16	Tăng
15	Mả Tổ	6,5	6,1	62	60	-23	+11	-38	-38	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	75	73	-12	+12	-25	-15	Giảm
17	Bà Tuy	5,5	5,1	63	60	-10	+36	-37	-5	Giảm
18	Vực Mầu	75,0	63,7	100	100	+6	+18	+2	0	Tăng
19	Bàu Đá	3,9	3,7	100	100	+11	+68	0	0	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	100	100	+25	+99	0	+54	Tăng
22	Cao Cang	1,6	1,6	100	100	+10	+62	0	0	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	100	100	0	0	0	0	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	62	62	-23	+15	-38	-38	Tăng
25	Khe Canh	4,2	4,2	100	100	+1	0	0	0	Tăng
26	Sông Sào	51,4	39,9	98	97	+2	+5	+10	+1	Giảm



TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/- %)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
27	Khe Thần	4,4	3,1	100	100	0	-	0	0	Tăng
28	Khe Sân	1,5	1,4	106	106	+27	-	-	+54	Tăng
29	Đình Dù	1,7	1,6	68	65	-17	+13	-32	-21	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	53	51	-13	-	-47	+9	Tăng
31	Yên Trạch	1,1	1,1	73	73	+13	-	+1	+37	Tăng
32	Đá Bàn	1,2	1,1	100	100	+15	-	0	+45	Tăng
33	Khe Bung	2,1	2,0	75	73	-11	-	-15	-16	Giảm
34	Đồi Tương	2,4	2,2	86	85	-6	-3	-3	-9	Giảm
35	Bà Hào	0,5	0,5	100	100	0	-	0	0	Giảm
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	99	99	+2	+3	+7	-1	Tăng
NGHỆ AN		265,1	233,7	88	87	-2	+20	-8	-5	

Nhận xét:

Hiện tại: Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 88% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 2% so với TBNN, 5% so với năm 2019, 8% so với năm 2018 và cao hơn 20% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại có 19/36 hồ đang đầy nước, các hồ còn lại có dung tích dao động từ 53-99%.

- Dự báo xu thế nguồn nước các hồ đầu vụ Đông Xuân 2020-2021:

Dự báo nguồn nước tại các hồ đạt 94% thiết kế, tương đương so với cùng kỳ đầu vụ Đông xuân năm 2019-2020.

- Dự báo xu thế nguồn nước của các công trình tính từ thời điểm hiện tại đến cuối vụ Đông Xuân năm 2020-2021: Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Đông xuân 2020-2021 của các hồ có 22/36 có xu thế tăng, 14/36 có xu thế giảm so với cùng kỳ năm 2020.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước đến hồ so với TBNN
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019	
Bản Vẽ	1.834,6	1,383	94,7	92,9	+3,6	+9,0	-3,3	+16,5	Giảm
Trung bình	1834,6	1383							

Nhận xét: Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có cao hơn 3,6% so với TBNN, 16,5% so với năm 2019, 9% so với năm 2015 và thấp hơn 3,3% so với năm 2018 cùng kỳ.



II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

1. Các kịch bản hạn hán

❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản

Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

❖ Phương pháp thực hiện:

Dựa theo Tiêu chuẩn TCKT 01:2019/TCTL Quy định kỹ thuật dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 2657/QĐ-BNN-TCTL ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

Các vùng sản xuất được phân làm 02 khu vực với các đặc thù về nguồn nước khác nhau, kịch bản hạn hán thiếu nước được xây dựng cho mỗi vùng như các bảng đi kèm.

Lựa chọn trạm Đô Lương làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản vụ Đông Xuân 2020-2021 trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận

2. Kịch bản dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021

Kịch bản dự báo vụ Đông Xuân năm 2020-2021 bao gồm:

* *Vùng trong công trình:*

- Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân năm 2020-2021 tại các trạm dao động từ 226-333mm, trạm Đô Lương đạt 306mm (tương đương tần suất 61,5%)

- Dự báo dung tích đầu vụ các hồ chứa là 248,87 triệu m³, đạt 94% so với thiết kế. Kết quả tính toán dự báo dung tích các hồ chứa cuối vụ Đông Xuân năm 2020-2021 cho thấy tổng dung tích cuối vụ các hồ chứa đạt 71% tổng dung tích trữ hữu ích thiết kế.

Dựa trên kết quả dự báo xu thế thời tiết, lượng mưa và dung tích năm 2020 tại các trạm thủy văn và hồ chứa đại diện, nhận định dự báo vụ Đông Xuân năm 2020-2021 trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận nằm trong kịch bản hạn cấp 0 (không hạn)

* *Vùng ngoài công trình thủy lợi*

- Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân năm 2020-2021 tại trạm Đô Lương đạt 306mm.

- Lượng mưa cộng dồn từ 1/6 đến trước vụ Đông Xuân năm 2020-2021 tại trạm Đô Lương dự báo khoảng 1415mm.

Như vậy, nhận định vùng ngoài công trình thuộc lưu vực sông Lam và vùng phụ cận nằm trong kịch bản hạn cấp 0 (không hạn).



Kết luận, dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021 trên lưu vực sông Lam và phụ cận nằm trong kịch bản không hạn.

3. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Cơ sở tính toán cân bằng nước cho lưu vực sông Lam và vùng phụ cận:

- Tổng nhu cầu nước cho vụ Đông Xuân năm 2020-2021 của 36 công trình hồ đập phụ trách trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận là 86,62 triệu m³.

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên lưu vực sông Lam, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cho thấy các hồ trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận đáp ứng được hết nhu cầu nước trong vụ Đông Xuân 2021. Dự báo dung tích cuối vụ Đông xuân 2021 của các hồ đạt 71% dung tích hữu ích thiết kế. Một số hồ dự báo có dung tích hữu ích cuối vụ thấp như hồ Bầu Gia 2%, Mả Tổ 6%, Bà Tùy 36%, Bầu Đá 36%... sẽ ảnh hưởng tới khả năng cấp nước trong vụ Hè Thu.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2020-2021 trên lưu vực Sông Lam và phụ cận được thể hiện dưới bảng sau:

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
1	Cửa Ông	2,1	90	100	100	90,0	91	Đủ nước
2	Khe Gỗ	5,4	257,5	100	100	257,5	83	Đủ nước
3	Lách Bưởi	2,1	179	100	100	179,0	70	Đủ nước
4	Khe Làng	3,1	185,2	100	100	185,2	76	Đủ nước
5	Nghi Công	2,6	98	100	100	98,0	99	Đủ nước
6	Khe Xiêm	3,2	180	100	100	180,0	96	Đủ nước
7	Khe Thị	2,7	166	100	100	166,0	72	Đủ nước
8	Bầu Gia	2,4	254,6	60	100	254,6	2	Đủ nước
9	Xuân Dương	9,3	491	100	100	491,0	78	Đủ nước
10	Kẻ Sặt	1,8	200,5	57	100	200,5	33	Đủ nước
11	Nhà Trò	4,2	131,5	89	100	131,5	65	Đủ nước
12	Đồn Húng	2,4	200,4	51	100	200,4	44	Đủ nước
13	Quản Hải	4,7	315	87	100	315,0	69	Đủ nước
14	Vệ Vùng	9,1	539,2	46	100	539,2	74	Đủ nước
15	Mả Tổ	4,0	398,3	60	100	398,3	6	Đủ nước



TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
16	3/2	3,5	333	73	100	333,0	41	Đủ nước
17	Bà Tùy	3,5	174	60	100	174,0	36	Đủ nước
18	Vực Mầu	75,0	1909	100	100	1909,0	81	Đủ nước
19	Bàu Đá	3,9	275,5	100	100	275,5	36	Đủ nước
20	Cầu Cau	2,9	241,4	100	100	241,4	100	Đủ nước
21	Khe Nậy	2,0	172	100	100	172,0	34	Đủ nước
22	Cao Cang	1,6	164	100	100	164,0	97	Đủ nước
23	Khe Là	2,5	225	100	100	225,0	98	Đủ nước
24	Khe Đá	10,2	340	62	100	340,0	83	Đủ nước
25	Khe Canh	4,2	209,1	100	100	209,1	90	Đủ nước
26	Sông Sào	50,4	1763	97	100	1763,0	75	Đủ nước
27	Khe Thần	4,4	66,7	100	100	66,7	97	Đủ nước
28	Khe Sân	1,6	58,1	106	100	58,1	64	Đủ nước
29	Đình Dù	1,2	91,7	65	100	91,7	41	Đủ nước
30	Mộ Dạ	1,2	159,39	51	100	159,4	53	Đủ nước
31	Yên Trạch	0,8	75,3	73	100	75,3	51	Đủ nước
32	Đá Bàn	1,2	77,89	100	100	77,9	56	Đủ nước
33	Khe Bung	1,6	10,25	73	100	10,3	53	Đủ nước
34	Đồi Tương	2,1	20,75	85	100	20,8	63	Đủ nước
35	Bà Hào	0,5	80	100	100	80,0	45	Đủ nước
36	Xuân Nguyên	1,3	31,2	99	100	31,2	96	Đủ nước
NGHỆ AN		234,4	10163,5	87		10163,5	71	

4. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/6 đến 5/11/2020 và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Vinh	Vinh	2666,8	+132	+32	-21	Rủi ro hạn thấp
2	Đô Lương	Đô Lương	2444,6	+110	+39	-32	Rủi ro hạn thấp
3	Cửa Rào	Cửa Rào	1267,9	+56	+1	-33	Rủi ro hạn thấp
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	1276,7	+31	-20	-52	Rủi ro hạn thấp
5	Nam Đàn	Nam Đàn	1886,7	+83	+8	-38	Rủi ro hạn thấp



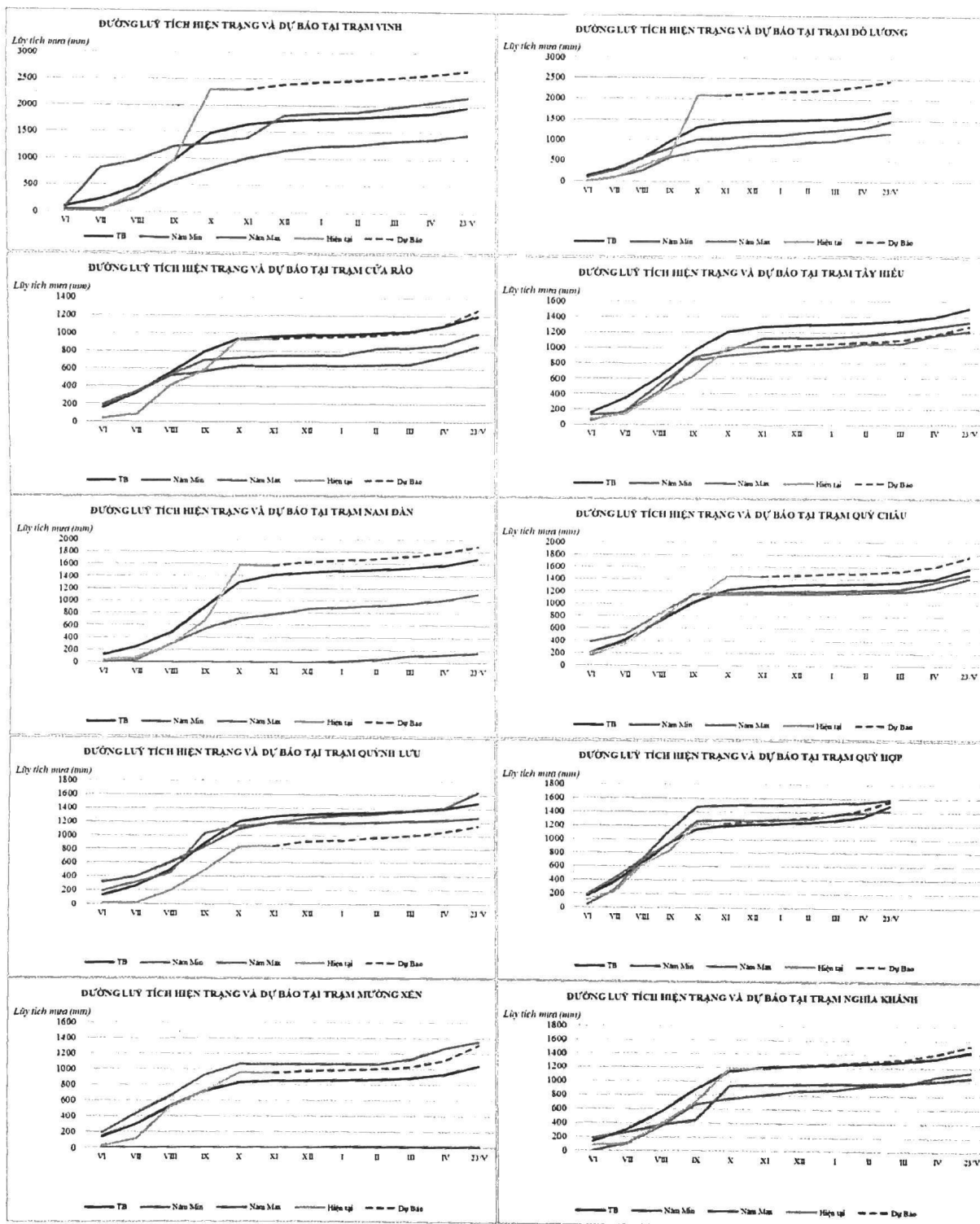
TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/6 đến 5/11/2020 và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	1760,9	+73	+9	-29	Rủi ro hạn thấp
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	1143,0	+28	-27	-57	Rủi ro hạn thấp
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	1557,9	+69	+2	-29	Rủi ro hạn thấp
9	Mường Xén	Mường Xén	1310,7	+429	+18	-16	Rủi ro hạn thấp
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	1525,6	+59	+4	-46	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét:

- Lượng mưa dự báo vụ Đông xuân 2020-2021 trong lưu vực sông Lam và phụ cận dao động từ 226 - 333 mm.

- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 1/6 đến nay và dự báo đến hết vụ Đông xuân 2020-2021 cho thấy tại 8/10 trạm có lượng mưa cao hơn TBNN từ 1-39%, riêng trạm Tây Hiếu thấp hơn 20%, Quỳnh Lưu thấp hơn 27%.





Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm Min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm Max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

Hiện tại: Lượng mưa thực đo năm 2020

Dự báo: Lượng mưa dự báo năm 2020-2021



III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở dung tích trữ hiện tại các hồ chứa hiện có, nhu cầu sử dụng nước, nhận định về khí tượng, thủy văn của Trung tâm dự báo KTTVTW từ nay đến hết vụ Đông Xuân năm 2020-2021 và theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận, cho thấy:

1, Đối với vùng lấy nước từ hồ chứa:

- Nguồn nước trữ các hồ chứa đầu vụ Đông Xuân năm 2020-2021 trên lưu vực sông Lam đạt 93,9% dung tích thiết kế, nhìn chung tất cả các công trình đảm bảo cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân.

- Một số hồ dự báo có dung tích hữu ích cuối vụ thấp như hồ Bàu Gia 2%, Mả Tổ 6%, Bà Tuyền 36%, Bàu Đá 36%... Vì vậy, các địa phương và công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh Nghệ An cần có biện pháp sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đồng thời tiếp tục theo dõi và cập nhật diễn biến thời tiết từ nay đến hết vụ Đông Xuân để có giải pháp kịp thời cho các hồ nêu trên.

2, Đối với vùng ngoài công trình thủy lợi:

Dựa trên lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021 và lượng mưa cộng dồn đến trước vụ Đông Xuân năm 2020-2021 tại trạm Đô Lương, nhận định vùng ngoài công trình thuộc lưu vực sông Lam và vùng phụ cận nằm trong kịch bản hạn cấp 0 (không hạn).

Thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ Đông Xuân 2020-2021

Bản tin vụ tiếp theo sẽ được phát hành vào tháng 11/2020.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

